

Ninh Giang, ngày 03 tháng 11 năm 2023

**BIÊN BẢN KIỂM KÊ ĐẤT ĐAI, TÀI SẢN, HOA MÀU
ĐỂ GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG XÂY DỰNG DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG ĐƯỜNG
TRỤC ĐÔNG - TÂY, TỈNH HẢI DƯƠNG QUA ĐỊA BÀN HUYỆN NINH GIANG
I - THÀNH PHẦN:**

1-Đại diện Hội đồng BTHT GPMB huyện:

- | | |
|--------------------------|--------------------------|
| - Ông: Nguyễn Đình Khoa | Chức vụ: Phó Chủ tịch HĐ |
| - Ông: Nguyễn Huy Nho | Chức vụ: Thành viên HĐ |
| - Ông: Nguyễn Văn Tú | Chức vụ: Thành viên HĐ |
| - Ông: Nguyễn Doãn Hùng | Chức vụ: Thành viên HĐ |
| - Ông: Đặng Đỗ Mười | Chức vụ: Thành viên HĐ |
| - Ông: Vũ Đình Đức | Chức vụ: Thành viên HĐ |
| - Ông: Nguyễn Thanh Việt | Chức vụ: Thành viên HĐ |

2- Đại diện UBND xã Đồng Tâm:

- | | |
|--|---|
| - Ông: Đinh Văn Châu | Chức vụ: Chủ tịch UBND xã |
| - Ông: Lê Văn Hậu | Chức vụ: Công chức địa chính - xây dựng |
| - Ông: ... <i>Trình...Việt...Nghệ...</i> | Chức vụ: Đại diện khu dân cư |

3- Đại diện chủ sử dụng đất (hoặc người được uỷ quyền):

- | | |
|--|-----------------------------------|
| - Ông (bà): ... <i>Đào...Hồng...Cầm...</i> | Chức vụ: <i>Chủ hộ</i> |
| - Ông (bà): | quan hệ với Chủ SD đất:..... |

4- Đại diện những người có đất thu hồi:

- | | |
|--|----------------|
| - Ông (bà): ... <i>Đào...Hồng...Cầm...</i> | Chức vụ: |
|--|----------------|

II- NỘI DUNG:

Căn cứ Thông báo số 37/TB-UBND ngày 04/3/2022 của Ủy ban nhân huyện Ninh Giang về việc thu hồi đất để GPMB xây dựng Dự án đầu tư xây dựng đường trục Đông – Tây, tỉnh Hải Dương qua địa bàn huyện Ninh Giang. Các thành phần trên trực tiếp kiểm tra, kiểm kê thực tế đi đến thống nhất các kết quả sau:

1. Giấy tờ về đất và tài sản:

...UBND xã báo cáo xác định về người gốc sử dụng đất, diện tích, loại đất thu hồi, thời điểm xây dựng công trình, tài sản, cây trồng trên đất.....

2. Khối lượng kiểm kê:

2.1. Về đất đai:

STT	Loại đất	Tờ bản đồ	Số thửa	Đơn vị tính	Diện tích thu hồi	Vị trí	Ghi chú
	- Đất ở tại nông thôn (ONT)	42	82	m ²	9,3		

2.2. Về khối lượng, tài sản, hoa màu, công trình:

STT	Hạng mục quy cách	Đơn vị tính	Khối lượng	Ghi chú:
-	Bê tông nền đá 2x4, M150 (răng)			
	17,4 x 4,0 x 0,15			
-	Cây đào Hên ĐK gốc 10cm		01	
-	Cây khế ĐK gốc 25cm		01	
-	Cây hoa giấy ĐK gốc 10cm		01	
-	Cây sung ĐK gốc 40cm		01	
-	Chậu cây cảnh ĐK 1,6m		01 + 01	
-	Ran khoan lang 16m ²			
-	Cây hoa giấy ĐK gốc 15cm		01	
-	Tường xây gạch chi' đại			
	2,6 x 0,7 x 0,11			
-	Nhà 1 tầng xây gạch chi' đại			
	tường 110, mái Fibro xi măng xà			
	gò tre, nền lát gạch ceramic			
	300x300, điện đi nổi			
-	Trụ cổng xây gạch chi' đại			
	(0,4 x 0,8 x 2,5) x 2			
-	Bê tông mái cổng (BTCT)			
	2,8 x 1,0 x 0,22			
-	Tường xây gạch chi' đại (mái cổng)			
	(2,8 x 0,7 x 0,11) x 2			
-	Cánh cổng tôn khung thép (Di chuyển)			
	2,0 x 2,2			
-	Tường xây gạch chi' đại (cánh cổng)			
	2,0 x 2,5 x 0,11			
-	Móng tường xây gạch chi' đại			
	2,0 x 1,0 x 0,33			
-	Móng trụ cổng xây gạch chi' đại			
	(1,4 x 1,0 x 1,0) x 2			

2.2. Về khối lượng, tài sản, hoa màu, công trình:

STT	Hạng mục quy cách	Đơn vị tính	Khối lượng	Ghi chú
-	Giằng móng công BTCT $2,0 \times 0,3 \times 0,33$			
-	Mái tôn xà gồ thép (công) $3,0 \times 1,0$			
-	Tường xây gạch chi' đặc (máng nước) $(17,4 \times 0,8 \times 0,22) \times 2$			
-	Bê tông dầm đá 2×4 , M150 $17,4 \times 0,8 \times 0,1$			
-	Nạp công bê tông cốt thép $17,4 \times 0,8 \times 0,1$			
-	Tường xây gạch chi' đặc (máng nước) $(29,0 \times 0,8 \times 0,22) \times 2$			
-	Bê tông nền đá 2×4 , M150 $29,0 \times 0,8 \times 0,1$			
-	Nạp bê tông cốt thép $29,0 \times 0,8 \times 0,1$			
-	Bê' phốt đá + nạp bê tông cốt thép, thêm xây gạch chi' đặc $2,0 \times 4,0 \times 1,0$			
-	Bê tông nền sân đá 2×4 , M150 (cho thuê) $8,5 \times 5,5 \times 0,1$			
-	Mái tôn vì kèo + xà gồ thép $10,5 \times 2,5$			
-	$2,0 \times 2,0$			
-	Cột thép $\phi 65$ cao 3,0 m		0,1	
-	Cây nhân ĐK tán 10m		04	
-	Gia đình khai báo Thời điểm xây dựng công trình năm 1980-1985			
				

Đại diện chủ sử dụng đất và các thành viên thống nhất xác định khối lượng kiểm kê trên là chính xác làm cơ sở để Hội đồng BTHT GPMB huyện lập phương án bồi thường trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt. Các thành viên thống nhất ký, ghi rõ họ tên dưới đây./.

Đại diện
chủ sử dụng đất

ĐD những người
có đất thu hồi

Đại diện
khu dân cư

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

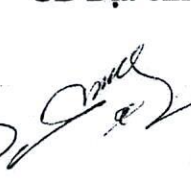
CB Địa chính

Chủ tịch


Đào Ngọc Cẩm


Nguyễn Văn Tú


Trần Văn Hùng


Lê Văn Hậu




Đinh Văn Châu

Lê Văn Hậu

Đinh Văn Châu

HỘI ĐỒNG BÒI THƯỜNG HỖ TRỢ GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG

Thành viên trực tiếp tham gia kiểm kê

Phó Chủ tịch

Nguyễn Huy Nho

Nguyễn Văn Tú

Đặng Đỗ Mười

Nguyễn Đình Khoa

Nguyễn Doãn Hùng

Vũ Đình Đức

Nguyễn Thanh Việt

UBND HUYỆN NINH GIANG
HỘI ĐỒNG BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ninh Giang, ngày 16 tháng 11 năm 2023

PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ ĐẤT ĐAI, TÀI SẢN, HOA MÀU TRONG PHẠM VI GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG
THỰC HIỆN DỰ ÁN: ĐẦU TƯ XÂY DỰNG ĐƯỜNG TRỰC ĐÔNG - TÂY, TỈNH HẢI DƯƠNG QUA ĐỊA BÀN HUYỆN NINH GIANG

Đại diện chủ sử dụng đất: Đào Hồng Cẩm (Đại diện người sử dụng đất)

Địa chỉ: xã Đồng Tâm, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương

Căn cứ công văn số 2573/UBND-VP ngày 05/9/2022 của UBND tỉnh Hải Dương, V/v giải quyết đề nghị về cơ chế bồi thường, hỗ trợ GPMB thực hiện Dự án đường trực Đông-Tây, tỉnh Hải Dương; Căn cứ Báo cáo số 248/BC-STNMT ngày 26/8/2022 của Sở TN và MT tỉnh Hải Dương, V/v tham mưu giải quyết các nội dung UBND huyện Ninh Giang đề nghị tháo gỡ vướng mắc trong công tác BT, GPMB, tái định cư thực hiện Dự án đầu tư xây dựng đường trực Đông-Tây tỉnh, đoạn qua huyện Ninh Giang

STT	DANH MỤC	Số tờ bản đồ	Số thửa	KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ						Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (Đ)	Hệ số theo QĐ 52 của UBND tỉnh	Hệ số hỗ trợ	Thành tiền (đồng)		
I	ĐẤT ĐAI								376.650.000	376.650.000	
1	Đất ở (ONT)	42	82	m2	9,300	40.500.000			376.650.000		
II	ĐỐI VỚI SÀN BÊ TÔNG, ĐƯỜNG ĐI BẰNG BÊ TÔNG ĐẦU NỐI TỪ ĐƯỜNG TỈNH VÀO THỪA ĐẤT (THUỘC HÀNH LANG ĐƯỜNG TỈNH 396)										
	Hỗ trợ 100% tổng giá trị BTHT								14.843.000	14.843.000	
1	Khối lượng Bê tông nền M150 đá 2x4 KT: 17,4*4,0*0,15			m3	10,440	1.477.896	0,962	1,000	14.842.923		
III	TÀI SẢN, CÔNG TRÌNH KHÁC										
	Tài sản, công trình trên đất hợp pháp đã được cấp GCN QSD đất								105.119.000	105.119.000	
1	Khối lượng Xây tường gạch chi đặc, dày <=11cm cao <=4m, vữa XM M75 KT: 2,6*0,7*0,11			m3	0,200	1.680.155	0,962	1,000	323.585		
2	Khối lượng Trụ công Xây cột, trụ bằng gạch chi đặc, cao <=4m, vữa XM M75 KT: 0,4*0,8*2,5*2			m3	1,600	1.812.750	0,962	1,000	2.790.185		
3	Khối lượng Bê tông sàn mái M200, đá 1x2 (Mái công). KT: 2,8*1,0*0,22			m3	0,616	6.041.634	0,962	1,000	3.580.224		
4	Khối lượng Xây tường gạch chi đặc, dày <=11cm cao <=4m, vữa XM M75 KT: 2,8*0,7*0,11*2			m3	0,431	1.680.155	0,962	1,000	696.952		
5	Tháo dỡ cửa, thủ công KT: 2*2,2			m2	4,400	11.682	0,962	1,000	49.448		
6	Lắp dựng cửa KT: 2*2,2			m2	4,400	64.885	0,962	1,000	274.645		
7	Khối lượng Xây tường gạch chi đặc, dày <=11cm cao <=4m, vữa XM M75 KT: 2,0*2,5*0,11			m3	0,550	1.680.155	0,962	1,000	888.970		
8	Khối lượng Xây móng gạch chi đặc, dày <=33cm, vữa XM mác 75. KT: 2,0*1,0*0,33			m3	0,660	1.408.296	0,962	1,000	894.155		
9	Khối lượng Xây móng gạch chi đặc, dày >33cm, vữa XM M75 KT: 1,4*1,0*1,0*2			m3	2,800	1.358.779	0,962	1,000	3.660.007		
10	Khối lượng Bê tông xà dầm, giằng KT: 2,0*0,3*0,33			m3	0,198	8.016.037	0,962	1,000	1.526.863		
11	Diện tích lợp mái tôn, xà gỗ thép KT: 3,0*1,0			m2	3,000	293.458	0,962	1,000	846.920		
12	Khối lượng Xây tường gạch chi đặc, dày <=11cm cao <=4m, vữa XM M75 KT: 17,4*0,8*0,22*2			m3	6,125	1.680.155	0,962	1,000	9.899.570		

13	Khối lượng Bê tông nền M150 đá 2x4 KT: 17,4*0,8*0,1		m3	1,392	1.477.896	0,962	1,000	1.979.056	
14	Khối lượng Bê tông sàn mái M200, đá 1x2. KT: 17,4*0,8*0,1		m3	1,392	6.041.634	0,962	1,000	8.090.376	
15	Khối lượng Xây tường gạch chỉ đặc, dày <=11cm cao <=4m, vữa XM M75 KT: 29,0*0,8*0,22*2		m3	10,208	1.680.155	0,962	1,000	16.499.283	
16	Khối lượng Bê tông nền M150 đá 2x4 KT: 29,0*0,8*0,1		m3	2,320	1.477.896	0,962	1,000	3.298.427	
17	Khối lượng Bê tông sàn mái M200, đá 1x2. KT: 29,0*0,8*0,1		m3	2,320	6.041.634	0,962	1,000	13.483.960	
18	Khối lượng Bê phốt đáy + nắp BTCT M200, thân bê xây gạch chỉ đặc KT: 2,0*4,0*1,0		m3	8,000	2.060.213	0,962	1,000	15.855.399	
19	Khối lượng Bê tông nền M150 đá 2x4 KT: 8,5*5,5*0,1		m3	4,675	1.477.896	0,962	1,000	6.646.616	
20	Diện tích lợp mái tôn, vì kèo + xà gỗ thép KT: 10,5*2,5+2,0*2,0		m2	30,250	463.598	0,962	1,000	13.490.934	
21	Cột thép tròn Φ65 dài 3,0m (1 cột) (đơn giá vật liệu sở tài chính tháng 10/2022 - III.311)		m	3,000	114.600		1,000	343.800	
IV CÂY CỎI, HOA MÀU									
	<i>Cây cối, hoa màu trên đất hợp pháp được hỗ trợ 100% tổng GTBTHT</i>							2.207.000	2.207.000
1	Cây Đào tiền đường kính gốc 10cm		cây	1,000	200.000		1,000	200.000	
2	Cây Khế đường kính gốc 25cm		cây	1,000	600.000		1,000	600.000	
3	Cây Hoa giấy đường kính gốc 10cm		cây	1,000	50.000		1,000	50.000	
4	Cây Sung đường kính gốc 40cm		cây	1,000	500.000		1,000	500.000	
5	Di chuyển chậu cây cảnh đường kính 1,6m		Chậu	2,000	300.000		1,000	600.000	
6	Diện tích trồng rau khoai lang		m2	16,000	12.000		1,000	192.000	
7	Cây Hoa giấy đường kính gốc 15cm		cây	1,000	65.000		1,000	65.000	
	<i>Cây cối, hoa màu trên đất HLD được hỗ trợ 70% tổng GTBTHT</i>							9.800.000	9.800.000
8	Cây Nhãn đường kính tán 10m		cây	4,000	3.500.000		0,700	9.800.000	
V HỖ TRỢ ĐẦU TƯ VÀO ĐẤT									5.836.000
1	Hỗ trợ 70% chi phí san lấp cát (tính trên 1m2 đất thu hồi) có nguồn gốc sử dụng đất là đất phi nông nghiệp căn cứ theo Báo cáo nguồn gốc sử dụng đất, khối lượng san lấp của UBND xã Hồng Dụ xác định: khối lượng san lấp 1,5 m3/m2 thu hồi; diện tích thực tế hộ gia đình san lấp: 31,4m2 (đơn giá áp dụng theo bảng giá vật liệu xây dựng tháng 6/2023 của Liên Sở Xây dựng-Tài chính Hải Dương)		m3	47,100	177.000		0,700	5.836.000	
TỔNG CỘNG									514.455.000

Bằng chữ: Năm trăm mười bốn triệu bốn trăm năm mươi lăm ngàn đồng chẵn.



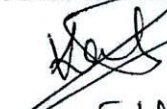
CHỦ SỬ DỤNG ĐẤT
(NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN)


Đỗ Hồng Cẩm

ĐẠI DIỆN
KHU DÂN CƯ


Trịnh Văn Quý

ĐD NHỮNG NGƯỜI
CÓ ĐẤT THU HỒI


Đỗ Hồng Cẩm

CB địa chính

Lê Văn Hậu

UBND XÃ

Chủ tịch

Đinh Văn Châu

HỘI ĐỒNG BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG
CÁC THÀNH VIÊN THAM GIA

PHÓ CHỦ TỊCH

Bùi Quang Thế

Bùi Minh Quý

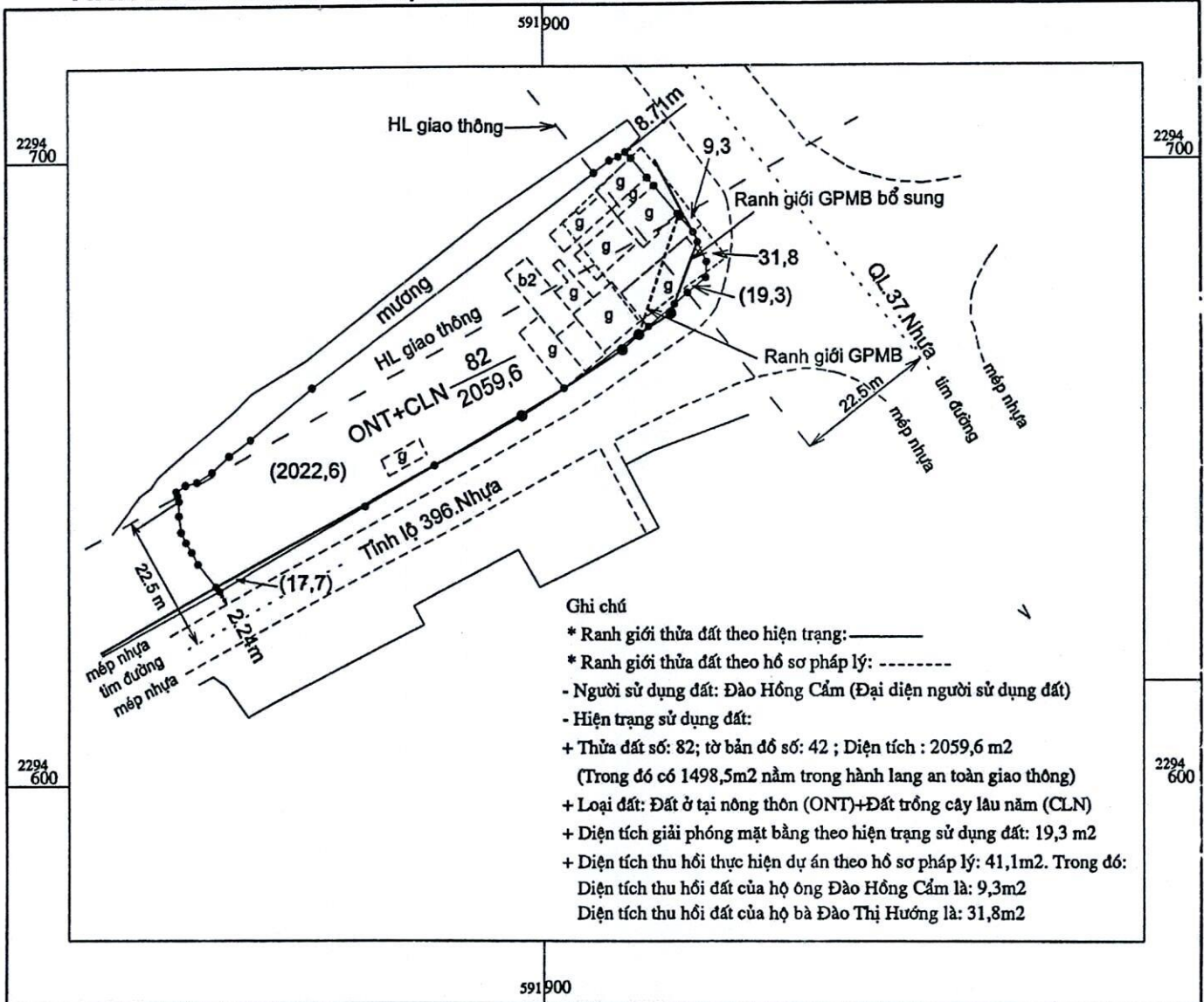
Đặng Đỗ Mười

Vũ Đình Đức

Nguyễn Đình Khoa

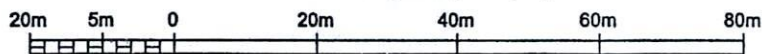
XÃ ĐỒNG TÂM
PHỤ LỤC ĐO VẼ XÁC ĐỊNH NGUỒN GỐC THỪA ĐẤT
HỆ TỌA ĐỘ VN-2000; THÔN GIÂM ME, TỜ BẢN ĐỒ SỐ: 42 (295 590-2-b)

TỈNH HẢI DƯƠNG - HUYỆN NINH GIANG



TỈ LỆ 1:1000

1 cm trên bản đồ bằng 10m ngoài thực địa



ĐƠN VỊ ĐO ĐẠC
Ngày 03 tháng 11 năm 2023

CHỦ SỬ DỤNG ĐẤT
Ngày 16 tháng 11 năm 2023

CÔNG CHỨC ĐỊA CHÍNH XÃ
Ngày 16 tháng 11 năm 2023

CHỦ TỊCH UBND XÃ
Ngày 16 tháng 11 năm 2023

Đào Hồng Cẩm

[Signature]

Lê Văn Hậu



Đinh Văn Châu